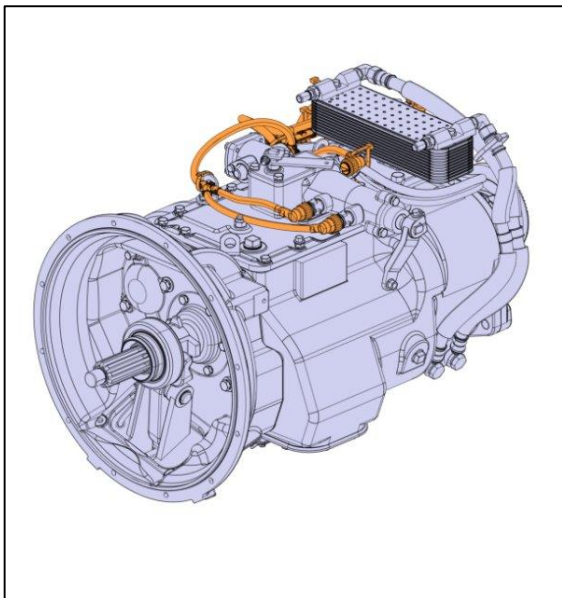




UD TRUCKS

Hộp số, cơ khí

Tổng quan



Nhà sản xuất	Hộp số Fast		
Loại	STO2009	ST1199	ST1509
Số cấp số	Số tiến – 9 Số lùi - 1	Số tiến – 9 Số lùi - 1	Số tiến – 9 Số lùi – 1
Khối lượng không có nhớt	401	348	348
Chiều dài	1001 mm	901 mm	901 mm
Khối lượng PTO	38 kg	38 kg	38 kg
Mô men xoắn	2000 Nm	1190 Nm	1500 Nm
Mô men xoắn PTO	700 Nm	700 Nm	700 Nm

Tỷ số truyền cấp số

Cấp số	STO2009	ST1199	ST1509
Số 8 phạm vi cao	0.73	1.00	1.00
Số 7 phạm vi cao	1.00	1.32	1.34
Số 6 phạm vi cao	1.38	1.77	1.83
Số 5 phạm vi cao	1.95	2.41	2.46
Số 4 phạm vi thấp	2.79	3.36	3.40
Số 3 phạm vi thấp	3.82	4.42	4.57
Số 2 phạm vi thấp	5.28	5.96	6.22
Số 1 phạm vi thấp	7.47	8.08	8.38
Số C	13.96	12.11	12.65
Số lùi	13.96	12.66	13.22

Tỷ số truyền tốc độ PTO

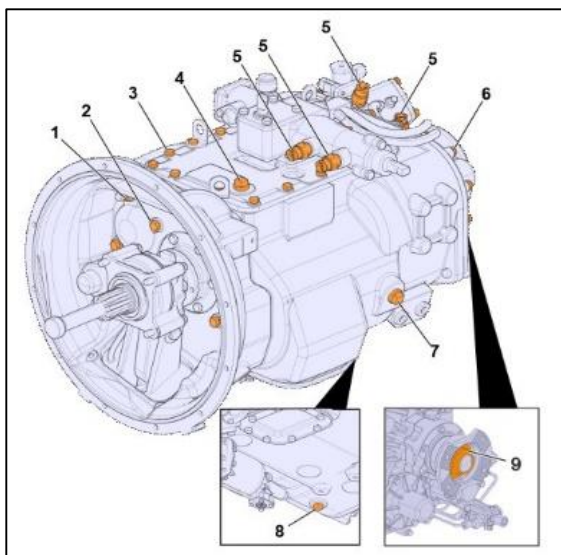
Cấp số	STO2009	ST1199	ST1509
4	0.74	0.96	0.96
3	1.02	1.26	1.30
2	1.41	1.70	1.74
1	1.99	2.31	2.37

Giao diện ly hợp	SAE1 và SAE2
Giao diện PTO	Loại mặt bích : SAE1400 Loại trực tiếp: DIN5462
Nhiệt độ nhớt	60° C ± 5° C

Lực chuyển số trên cần chuyển số	Lên 816 N Xuống 1349 N
Áp suất khí nén	955 kPa

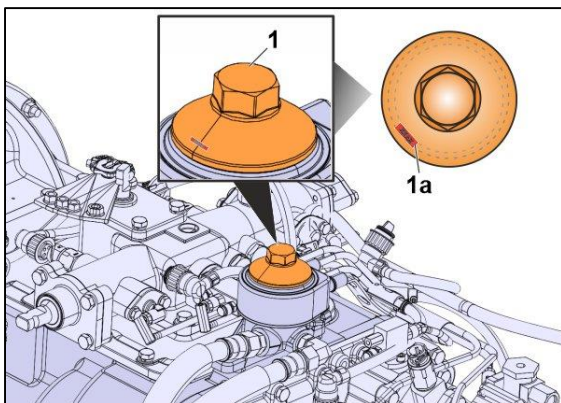


Bộ làm mát nhớt	
Nhiệt độ đầu vào của nhớt	100° C
Nhiệt độ đầu vào chất làm mát	85° C
Truyền nhiệt	10.2 kW
Giảm áp suất phía nhớt	1.19 bar
Giảm áp suất phía chất làm mát	0.651 bar



Lực siết		
1	Vỏ ly hợp, đai ốc	230 – 270 Nm
2	Vỏ ly hợp, vít	54 – 65 Nm
3	Nút bít bộ lọc nhớt	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
4	Nắp hộp số, vít	47.5 – 61 Nm
5	Cắm biên	40 Nm
6	Vỏ phía sau, vít	54 – 65 Nm
7	Nút bít mức nhớt	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
8	Nút xả	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
9	Trục đầu ra, đai ốc mũ	Đai ốc mũ, khoá nylon: 825± 25 Nm Đai ốc mũ, cơ khí: 825± 25 Nm Lưu ý: Đai ốc mũ phải được tán đinh vào rãnh trục chính.

Nắp bộ làm mát nhớt (hộp số ST1199)





Lực siết, nắp (bộ làm mát dầu)			
Lưu ý: Giá trị mô-men xoắn (1a) được dán nhãn trên thân nắp. Giá trị được dán nhãn (1a) nên được sử dụng cho lực siết nắp.			
1	Nắp, bộ làm mát nhớt	Loại 1 – kim loại	55 ± 6 Nm
		Loại 2 – kim loại	85 ± 16 Nm
		Loại 3 - nhôm	95 ± 5 Nm

Lực siết	
Lắp bộ làm mát nhớt, giá đỡ, vít	65 ± 30 Nm
Lắp bộ làm mát nhớt, vít	48 ± 8 Nm
Lắp ống nhớt đến hộp số	67 ± 10 Nm
Cơ khuỷu bộ làm mát nhớt	55 ± 8 Nm

Tham khảo số thao tác [43187-4 Hộp số, tháo rời-kiểm tra-lắp ráp](#), để biết lực siết hộp số hoàn chỉnh.